

Số: 68/2022/QĐST-HNGĐ

V, ngày 12 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.V, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2022/TLST-VHNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

1. Ông Mai Sỹ Việt H1, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: B204 Chung cư L, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ hiện nay: Đường S, ấp N, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bà Lương Thúy H2, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: B204 Chung cư L, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ hiện nay: Phòng 107 Chung cư L, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Sỹ Việt H1 và bà Lương Thúy H2 thỏa thuận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông Mai Sỹ Việt H1 và bà Lương Thúy H2 xác nhận có 02 (hai) con chung là cháu Mai Tuệ L, sinh ngày 17/6/2013 và Mai Sỹ Trí T, sinh ngày 23/4/2018. Trên cơ sở thỏa thuận của ông H1 và bà H2, phù hợp với nguyện vọng của cháu L: Giao cháu L cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu T cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng; ông H1 và bà H2 không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung: Ông Mai Sỹ Việt H1 và bà Lương Thúy H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Ông Mai Sỹ Việt H1 và bà Lương Thúy H2 không yêu cầu

Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về Lệ phí Tòa án: Ông Mai Sỹ Việt H1 và bà Lương Thúy H2 mỗi người phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Sỹ Việt H1 và bà Lương Thúy H2 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Mai Sỹ Việt H1 và bà Lương Thúy H2 có 02 (hai) con chung là cháu Mai Tuệ L, sinh ngày 17/6/2013 và Mai Sỹ Trí T, sinh ngày 23/4/2018. Trên cơ sở thỏa thuận của ông H1 và bà H2, phù hợp với nguyện vọng của cháu L: Giao cháu L cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu T cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng; ông H1 và bà H2 không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông H1 và bà H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Ông Mai Sỹ Việt H1 và bà Lương Thúy H2 mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001756 và Biên lai thu tiền số 0001757 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Ông H1 và bà H2 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;

**THẨM PHÁN**

- VKSND TP.V;
- Chi cục THADS TP.V;
- TAND tỉnh BR-VT;
- UBND phường B, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**Trịnh Thị Thường**